

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2019/HS-ST
Ngày 12-9-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Mã Văn Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hoàng Phương Lâm.

Bà Đàm Thị Bích Nhu.

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Hoài Anh, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà:
Ông Đinh Tiến Dũng, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 28/2019/TLST-HS ngày 04 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 353/2019/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 8 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Tiến Q, sinh ngày 04 tháng 12 năm 1970 tại thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Tổ A, phường G, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: kinh doanh tự do; trình độ văn hoá: lớp 12/12 phổ thông; dân tộc: Tày; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1941 và bà Trần Thị M sinh năm 1947; có vợ là Vy Thị Nh, đã chết năm 2016 và 03 con; tiền án, tiền sự: không có.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 13-3-2019 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Cao Bằng; có mặt.

2. Bùi Thị H, sinh ngày 16 tháng 11 năm 1980 tại xã N, thành phố Y, tỉnh Hưng Yên.

Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Số nhà A1, tổ A2, phường G2, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: kinh doanh tự do; trình độ văn hoá: lớp 12/12 phổ thông; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Công H, sinh năm 1957 và bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1958; có chồng là Đặng Văn T1, sinh năm 1981 và 02 con; tiền án, tiền sự: không có; nhân thân: Tại bản án số: 11/2019/HS-ST ngày 24-01-2019, Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xử phạt 02 năm tù về tội "Mua bán trái phép hoá đơn", 03 năm tù về tội "Trốn thuế", tổng hợp hình phạt cả hai tội là 05 năm tù. Sau khi xét xử sơ thẩm H kháng cáo, ngày 29-8-2019 Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã xét xử phúc thẩm giảm hình phạt 02 năm tù, xử phạt bị cáo 03 năm tù đối với cả hai tội "Mua bán trái phép hóa đơn" và "Trốn thuế" nhưng Tòa án nhân dân tỉnh chưa nhận được bản án phúc thẩm.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 17-10-2017 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Cao Bằng; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Bùi Thị H:* Ông Phùng Văn Cầu và ông Nguyễn Đắc Thực, luật sư thuộc Công ty Luật TNHH Minh thư, địa chỉ: Phòng 1602 A, Tòa nhà Gemek Tower II, khu đô thị hai bên đường Lê Trọng Tấn, An Phú, Hoài Đức, Hà Nội; có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Nông Thị Th, sinh năm 1967, kế toán Công ty Cổ phần G; địa chỉ: Tổ A3, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

2. Nguyễn Thị Bích Ng1, sinh năm 1988, kế toán Công ty trách nhiệm hữu hạn (sau đây viết tắt là TNHH) Y1 và Công ty TNHH xây dựng và thương mại Th; địa chỉ: Tổ A2, phường G2, thành phố C, tỉnh Cao Bằng (nguyên kế toán Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Ph, Công ty cổ phần T); vắng mặt.

3. Hoàng Thị H2, thành viên góp vốn Công ty TNHH xây dựng Đ; địa chỉ: Phố X, phường G, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

4. Đinh Thị Kim A, sinh năm 1977, kế toán Công ty TNHH M; địa chỉ: Tổ A4, phường G, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

5. Hoàng Văn V, Giám đốc Công ty TNHH xây dựng và thương mại G3; địa chỉ: Tổ A5, phường Đ1, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

6. Lý Hoàng T2, sinh năm 1970, thành viên Công ty TNHH xây dựng và thương mại X2; địa chỉ: Số A6, tổ 7, phường X2, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

7. Bùi Đức Nh2, sinh năm 1959, Giám đốc Công ty TNHH xây dựng và thương mại Th; địa chỉ: Tổ A3, phường G2, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

8. Lý Thị Ng3, sinh năm 1978, kế toán Công ty TNHH đầu tư và xây dựng V, địa chỉ: Tổ 4, phường X2, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

9. Trương Thị Thuỳ A2, sinh năm 1985, kế toán Doanh nghiệp tư nhân P1, Cao Bằng; địa chỉ: Tổ 9, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

10. Đào Tuyên H5, sinh năm 1960, Giám đốc Công ty TNHH N6; địa chỉ: Tổ 11, phường X2, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

11. Bế Thị B2, sinh năm 1977, kế toán Công ty TNHH xây dựng T3, địa chỉ: Tổ 12, phường G2, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

12. Hoàng Thị H7 sinh năm 1986, kế toán Công ty TNHH thương mại và dịch vụ V8, địa chỉ: Tổ 23, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

13. Nguyễn Văn C4, sinh năm 1978, Đội trưởng Đội xây lắp số 3 Công ty TNHH Q9, địa chỉ: Tổ 3, phường Đ1, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

14. Đàm Thu H9, sinh năm 1982, nguyên kế toán Công ty địa ốc Tr, địa chỉ: Tổ 17, phường G, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

15. Trần Minh Ch2, sinh năm 1973, Giám đốc Công ty TNHH N8, địa chỉ: Tổ 29, phường G, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

16. Nguyễn Văn C10, sinh năm 1977, Phó giám đốc Công ty cổ phần xây lắp C, địa chỉ: Tổ 23, phường S4, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

17. Trịnh Minh T8, sinh năm 1974, Giám đốc Công ty TNHH xây dựng và thương mại G9, địa chỉ: Phòng 307, H2, Th7, quận Th8, Hà Nội; vắng mặt.

18. Đinh Thị Mai H10, sinh năm 1979, nguyên Giám đốc Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Tr1 (đã ngừng hoạt động), địa chỉ: Xóm C5, xã C6, huyện C7, Hà Nội; vắng mặt.

19. Đinh Văn T9, sinh năm 1966, Giám đốc Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Th9, địa chỉ: Tổ 24, phường G, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

20. Trần Ngọc H11, sinh năm 1961, Giám đốc Công ty TNHH một thành viên thương mại và xây dựng Tr2, địa chỉ: Tổ 4, phường G2, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

21. Nguyễn Thị Th4, sinh năm 1986, kế toán Công ty TNHH một thành viên đầu tư và xây dựng B6, địa chỉ: Số 033, tổ 22, phường S4, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

22. Hà Xuân Tr7, sinh năm 1978, Giám đốc Công ty TNHH Đ6, địa chỉ: Số A11, tổ 9, phường X2, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

23. Bế Toàn Th5, sinh năm 1964, nguyên Giám đốc Công ty TNHH T4 (đã giải thể), địa chỉ: Số A12, tổ 22, phường G, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2005, Nguyễn Tiến Q đăng ký với Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cao Bằng thành lập Hợp tác xã Ngh, có trụ sở tại Gi, phường X2, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. MST 4800157543, ngành nghề kinh doanh sản xuất, buôn bán các sản phẩm gỗ bóc. Khi thành lập Nguyễn Tiến Q đăng ký 06 người là anh em họ hàng vào thành viên Hợp tác xã, tuy nhiên những người này chỉ được Q đưa vào để hoàn thiện thủ tục hồ sơ hành chính mà không có sự tham gia hoạt động của Hợp tác xã Ngh. Quá trình hoạt động, Nguyễn Tiến Q là Chủ nhiệm Hợp tác xã Ngh và đã thay đổi đăng ký kinh doanh 05 lần, thuê nhiều người làm kế toán Hợp tác xã nhưng người làm kế toán sau cùng từ năm 2010 đến năm 2016 là Bùi Thị H, công việc chính của Hạnh là làm mọi công việc liên quan đến kế toán và báo cáo thuế với Chi cục thuế thành phố C.

Ngày 21-12-2011, Công ty cổ phần xuất nhập khẩu S10 bán cho Nguyễn Tiến Q 01 chiếc máy xúc bánh xích nhãn hiệu XCG-LC-8 xuất xứ Trung Quốc, Q đã đưa chiếc máy xúc này vào khai thác sử dụng tại huyện Kh và L11, tỉnh Cao Bằng. Năm 2012, do kinh doanh không hiệu quả Q đã bán hết máy móc, thiết bị sản xuất gỗ bóc của Hợp tác xã Ngh, ngừng hoạt động của xưởng gỗ bóc. Hợp tác xã Ngh không còn trụ sở, mọi giấy tờ, sổ sách liên quan được Q đưa về nhà riêng tại phường G, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Đối với chiếc máy xúc được Q đưa đến mỏ than Ph vào khoảng tháng 3-2012 làm thuê cho Công ty TNHH xây dựng L12, có trụ sở tại số A13, tổ 11, phường Th20, thành phố Th21, tỉnh Thái Nguyên. Đến ngày 15-4-2012 do mỏ than Ph bị sập nên Q đã gán nợ chiếc máy xúc cho người khác không rõ tên và địa chỉ.

Trong khi làm báo cáo tài chính năm 2011 và kê khai thuế quý I năm 2012, Q và H nhận thấy sự bất hợp lý trong việc cân đối khấu trừ thuế giá trị gia tăng (sau đây viết tắt là GTGT) như việc đưa hoá đơn GTGT, chứng từ thể hiện

chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh và hoá đơn GTGT tiền mua dầu của Công ty D Cao Bằng dẫn tới chi phí đầu vào thể hiện tăng lên rất nhiều. Vì vậy, Q yêu cầu H tìm cách xuất bán hoá đơn GTGT không cho các doanh nghiệp khác nhằm thu lợi bất chính. Khi được H đề xuất bán hoá đơn GTGT cho các Công ty hoạt động trong địa bàn tỉnh Cao Bằng, dù không phát sinh các hoạt động kinh doanh thực tế nhưng Q vẫn đồng ý ký tên, đóng dấu vào hoá đơn cho H và yêu cầu H phải trả cho Q 10% giá trị ghi trên hoá đơn GTGT xuất ra, còn H được hưởng số tiền tùy theo giá bán hoá đơn GTGT thỏa thuận tăng thêm với người mua sau khi trừ đi phần phải đưa cho Q. Việc thực hiện giao dịch với các doanh nghiệp mua hoá đơn GTGT đều do H tự chủ động tiến hành, đồng thời Q không phải trả lương thuê H làm kế toán.

Từ quý I năm 2012 đến hết tháng 3-2016, H đã thực hiện giao dịch bán 98 hoá đơn GTGT với tổng giá trị tiền hàng ghi trên hoá đơn 10.994.913.981 đồng (mười tỷ chín trăm chín mươi tư triệu chín trăm mười ba nghìn chín trăm tám mươi một đồng) cho 26 Công ty. Trong đó, 37 hoá đơn GTGT ghi mặt hàng thuê ca máy xúc, máy lu, cước vận chuyển với tổng giá trị tiền hàng ghi trên hoá đơn là 10.044.905.254 đồng; 61 hoá đơn GTGT mặt hàng ván, gỗ với tổng tiền hàng ghi trên hoá đơn GTGT là 950.008.727 đồng.

Từ quý I năm 2012 đến hết tháng 3-2016, Hợp tác xã Ngh do H làm kế toán đã thực hiện kê khai 544 hóa đơn GTGT đầu vào với tổng giá trị 10.098.199.228 đồng, cụ thể: Có 502 hoá đơn GTGT của Công ty D Cao Bằng với tổng giá trị 6.171.974.884 đồng; 05 hoá đơn GTGT của Công ty TNHH đầu tư thương mại D1, đăng ký trụ sở tại Hải Phòng có giá trị tiền ghi trên hoá đơn là 2.870.000.000 đồng; 02 hoá đơn GTGT của Công ty TNHH một thành viên A22, đăng ký trụ sở tại Hải Dương có giá trị tiền ghi trên hoá đơn là 555.000.000 đồng; 01 hoá đơn của Công ty TNHH A23, đăng ký trụ sở tại Hải Dương có giá trị tiền ghi trên hoá đơn là 239.300.000 đồng. Cả 03 Công ty ở Hải Phòng, Hải Dương đã bị cơ quan pháp luật ở Hải Phòng và Hải Dương xử lý truy cứu trách nhiệm hình sự.

Cơ quan điều tra đã yêu cầu Công ty D Cao Bằng cung cấp bản phô tô liên 1 tất cả các hoá đơn GTGT đã xuất cho Hợp tác xã Ngh. Tuy nhiên, do từ tháng 3-2014 trở về trước Công ty chưa thực hiện quản lý hoá đơn bằng phần mềm nên chỉ cung cấp được số liệu hoá đơn GTGT xuất cho Hợp tác xã Ngh từ tháng 4-2014 đến nay gồm 248 hoá đơn GTGT với tổng giá trị tiền hàng là 2.556.176.282 đồng.

Các giao dịch trên 02 tài khoản của Hợp tác xã Ngh đăng ký tại Ngân hàng BIDV và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Cao Bằng đã xác định các Công ty trả tiền theo hoá đơn GTGT và được H rút tiền mặt

tương ứng ngay sau đó. Các tờ séc, giấy lĩnh tiền mặt đưa vào giao dịch tài khoản chủ yếu được H viết nội dung và Q ký tên, đóng dấu.

Đến nay Nguyễn Tiến Q và Bùi Thị H không giao nộp được liên 1 của các hoá đơn GTGT đã bán ra, liên 2 của các hoá đơn GTGT mua vào và các giấy tờ khác theo yêu cầu của cơ quan điều tra mà chỉ giao nộp được con dấu tròn của Hợp tác xã Ngh. Theo xác minh tại Chi cục thuế thành phố C xác định Hợp tác xã Ngh còn nợ số tiền thuế 9.042.058 đồng.

Đối với số tiền hưởng lợi từ việc bán hoá đơn GTGT, Bùi Thị H đã nhiều lần đưa tiền mặt và chuyển khoản cho Q, cụ thể: Theo tài liệu từ Ngân hàng BIDV Cao Bằng và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Cao Bằng xác định Q đã rút 02 lần tiền từ 02 tài khoản của Hợp tác xã Ngh với tổng số tiền 117.000.000 đồng. Đây là số tiền H để lại tài khoản cho Q từ số tiền mua hoá đơn của các doanh nghiệp chuyển qua tài khoản của Q. Ngoài ra, H trực tiếp chuyển tiền mặt 07 lần vào tài khoản của Q với số tiền là 140.300.000 đồng và 02 lần Q nhận tiền mặt với H số tiền là 50.000.000 đồng. Tổng cộng H đã chuyển cho Q 307.300.000 đồng. Quá trình điều tra H khai khoảng tháng 12-2015 được đưa cho Vy Thị Nh là vợ Q số tiền 200.000.000 đồng nhưng Q không thừa nhận và do Vy Thị Nh đã chết từ năm 2016 nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xem xét.

Quá trình điều tra H khai nhận đã bán hoá đơn GTGT cho các doanh nghiệp, ngoài 10% đã đưa cho Q thì còn lại khoảng 196.903.874 đồng (tương ứng với 02% giá trị hoá đơn GTGT bán cho các doanh nghiệp), số tiền này H chỉ thừa nhận được hưởng 98.451.937 đồng (tương ứng với 01% giá trị hoá đơn GTGT bán cho các doanh nghiệp), còn lại H cho rằng đã chi trả cho những người đến gặp H để giao dịch mua hoá đơn. Tuy nhiên, khi làm việc với Cơ quan điều tra, những người này không thừa nhận nên không có cơ sở để xác định.

Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra 26 Công ty được Hợp tác xã Ngh xuất 98 hoá đơn GTGT trong giai đoạn từ năm 2012 đến năm 2016, cụ thể như sau:

Xác định được 11 Công ty mua không hoá đơn GTGT bao gồm:

1. Công ty cổ phần G, MST: 4800143xxx mua 01 hoá đơn ghi thuê ca máy xúc với số tiền ghi trên hoá đơn là 300.000.000 đồng, đã thực hiện xuất toán hoá đơn với số tiền 30.000.000 đồng.

2. Công ty TNHH Y1, MST: 4800141xxx mua 01 hoá đơn ghi thuê ca máy xúc với số tiền ghi trên hoá đơn là 382.818.182 đồng, đã thực hiện xuất toán hoá đơn với số tiền 6.000.031 đồng.

3. Công ty TNHH xây dựng Đ, MST: 4800154xxx mua 06 hoá đơn ghi thuê ca máy xúc với tổng số tiền ghi trên hoá đơn là 891.278.245 đồng.

4. Công ty TNHH M, MST: 4800259xxx mua 01 hoá đơn ghi thuê ca máy xúc với số tiền ghi trên hoá đơn là 347.727.231 đồng.

5. Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Ph, MST: 4800187xxx mua 03 hoá đơn ghi thuê ca máy xúc với tổng số tiền ghi trên hoá đơn là 400.000.000 đồng.

6. Công ty TNHH G3, MST: 4800784xxx mua 03 hoá đơn gồm 02 hoá đơn mua ván gỗ, 01 hoá đơn ghi thuê ca máy xúc với tổng số tiền ghi trên hoá đơn là 257.272.700 đồng.

7. Công ty TNHH xây dựng và thương mại X2, MST: 4800173xxx mua 02 hoá đơn ghi thuê ca máy xúc với tổng số tiền ghi trên hoá đơn là 219.999.989 đồng.

8. Công ty TNHH xây dựng và thương mại Th, MST: 4800143xxx mua 01 hoá đơn ghi thuê ca máy xúc với số tiền ghi trên hoá đơn là 168.181.818 đồng.

9. Công ty cổ phần T, MST: 0101282xxx mua 01 hoá đơn ghi thuê ca máy xúc với số tiền ghi trên hoá đơn là 180.000.000 đồng.

10. Công ty TNHH đầu tư và xây dựng V, MST: 4800163xxx mua 01 hoá đơn ghi thuê ca máy xúc với số tiền ghi trên hoá đơn là 45.000.000 đồng.

11. Doanh nghiệp Y2 Cao Bằng, MST: 4800889xxx mua 01 hoá đơn với số tiền hàng ghi trên hoá đơn là 3.272.727 đồng.

Các Công ty còn lại không thừa nhận việc mua bán hoá đơn GTGT không nhưng không giải trình được nguồn gốc hàng hoá, dịch vụ từ Hợp tác xã Ngh bao gồm:

1. Công ty TNHH N6, MST: 4800154xxx sử dụng 04 hoá đơn ghi thuê ca máy xúc với tổng số tiền ghi trên hoá đơn là 2.427.721.795 đồng, đã thực hiện xuất toán hoá đơn với số tiền là 247.772.179 đồng.

2. Công ty TNHH xây dựng T3, MST: 4800153xxx sử dụng 04 hoá đơn thuê ca máy xúc với tổng số tiền ghi trên hoá đơn là 1.677.818.094 đồng, đã thực hiện xuất toán hoá đơn với số tiền là 188.781.809 đồng.

3. Công ty TNHH thương mại và dịch vụ V8, MST: 4800645xxx, sử dụng 32 hoá đơn, trong đó: 02 hoá đơn thuê ca máy xúc và 30 hoá đơn mặt hàng ván gỗ với tổng số tiền ghi trên hoá đơn là 512.700.000 đồng, đã thực hiện xuất toán hoá đơn với số tiền là 180.421.385 đồng.

4. Công ty TNHH Q9, MST: 4800125xxx, sử dụng 02 hoá đơn thuê cước vận chuyển với số tiền ghi trên hoá đơn là 833.005.400 đồng, đã thực hiện xuất toán hoá đơn số tiền là 45.420.620 đồng.

5. Công ty địa ốc Tr, MST: 01048421xxx sử dụng 01 hoá đơn gỗ với số tiền ghi trên hoá đơn là 54.000.000 đồng, đã thực hiện xuất toán hoá đơn số tiền 17.280.000 đồng.

6. Công ty TNHH N8, MST: 4800155xxx sử dụng 02 hoá đơn thuê ca máy xúc với tổng số tiền ghi trên hoá đơn là 954.500.000 đồng.

7. Công ty cổ phần C Cao Bằng, MST: 4800149xxx sử dụng 02 hoá đơn thuê ca máy xúc với tổng số tiền ghi trên hoá đơn là 448.181.800 đồng.

8. Công ty TNHH xây dựng và thương mại G9, MST: 103306xxx sử dụng 01 hoá đơn thuê ca máy lu với số tiền ghi trên hoá đơn là 212.100.000 đồng.

9. Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Tr1, MST: 0105957xxx sử dụng 11 hoá đơn gỗ, ván bóc với tổng số tiền ghi trên hoá đơn là 194.920.000 đồng.

10. Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Th19, MST: 4800186xxx sử dụng 01 hoá đơn thuê ca máy xúc với số tiền ghi trên hoá đơn là 160.000.000 đồng.

11. Công ty TNHH một thành viên thương mại và xây dựng Tr2, MST: 4800865xxx sử dụng 01 hoá đơn thuê ca máy xúc với số tiền ghi trên hoá đơn là 150.000.000 đồng.

12. Công ty TNHH một thành viên đầu tư và xây dựng B6, MST: 4800144xxx sử dụng 09 hoá đơn ván gỗ với tổng số tiền ghi trên hoá đơn là 131.416.000 đồng.

13. Công ty TNHH Đ6, MST: 4800235xxx sử dụng 02 hoá đơn ván gỗ với tổng số tiền ghi trên hoá đơn là 30.000.000 đồng.

14. Công ty TNHH P9, MST: 0101624xxx sử dụng 03 hoá đơn ván gỗ với tổng số tiền ghi trên hoá đơn là 27.400.000 đồng.

15. Công ty TNHH T9, MST: 4800153xxx sử dụng 02 hoá đơn mặt hàng gỗ với tổng số tiền ghi trên hoá đơn là 23.700.000 đồng.

Cơ quan An ninh điều tra đã tiến hành trưng cầu giám định hình dấu, chữ ký trên các hoá đơn của Hợp tác xã Ngh. Tại Kết luận giám định số: 35/GĐKTHS ngày 11-3-2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Cao Bằng kết luận: “*Chữ ký của Nguyễn Tiến Q trên các hoá đơn và chữ ký của Nguyễn Tiến Q trên mẫu so sánh là cùng một người ký ra*”. Tại kết luận giám định số: 39/GĐKTHS ngày 12-3-2019 kết luận: “*Hình dấu có nội dung “Hợp*

tác xã Ngh” trên các hoá đơn và hình con dấu trên mẫu so sánh do cùng một con dấu đóng ra”.

Quá trình điều tra đã thu giữ của Nguyễn Tiến Q các vật chứng, đồ vật tài liệu sau: 01 con dấu tròn của Hợp tác xã Ngh; 01 điện thoại màu đen đã qua sử dụng nhãn hiệu MI; 01 thẻ Ngân hàng BIDV, số thẻ 4862799888072xxx; 01 Giấy chứng minh nhân dân của Nguyễn Tiến Q số 080381xxx, cấp ngày 23-5-2011. Nguyễn Tiến Q đã uỷ quyền cho mẹ là bà Trần Thị M nộp tại Cơ quan điều tra số tiền 190.000.000 đồng là tiền thu lợi bất chính từ việc mua bán hoá đơn GTGT. Ngoài ra, Cơ quan điều tra thu giữ thêm các hoá đơn, chứng từ là bản gốc, bản sao do các doanh nghiệp sử dụng hoá đơn của Hợp tác xã Ngh nộp.

Đối với các doanh nghiệp sử dụng hoá đơn của Hợp tác xã Ngh, Cơ quan điều tra đã kết luận sai phạm và giao cho cơ quan thuế xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với các Công ty cung cấp hoá đơn đầu vào cho Hợp tác xã Ngh có trụ sở tại Hải Phòng, Hải Dương đã bị xử lý truy cứu trách nhiệm hình sự về hành vi mua bán hoá đơn GTGT nên Cơ quan điều tra không đề nghị xử lý.

Đối với hoá đơn GTGT của Công ty D Cao Bằng do tài liệu, chứng cứ đã thu thập chưa chứng minh được việc mua bán hoá đơn nên Cơ quan điều tra đã có công văn yêu cầu Công ty D chấn chỉnh hoạt động bán hàng và xuất hoá đơn theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên toà, bị cáo Nguyễn Tiến Q và Bùi Thị H đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu ở trên. Riêng đối với số tiền thu lời bất chính từ việc mua bán trái phép hóa đơn H chỉ thừa nhận được hưởng lợi 98.451.937 đồng, số tiền còn lại H đã chi hoa hồng cho những người đến mua hóa đơn với H.

Ngày 02-7-2019, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã ra Cáo trạng số: 28/CT-VKSCB-P2 truy tố Nguyễn Tiến Q và Bùi Thị H về tội mua bán hoá đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm d, đ khoản 2 Điều 203 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Kết thúc phần xét hỏi, Kiểm sát viên tham gia phiên toà trình bày lời luận tội xác định theo thỏa thuận H đưa cho Q 10% giá trị hàng hóa ghi trên hóa đơn, Q được hưởng tổng cộng 307.300.000 đồng, còn H được hưởng theo thỏa thuận với các doanh nghiệp mua hóa đơn. Trên cơ sở lời khai của H tại Cơ quan điều tra thì H được hưởng lợi trên 196 triệu đồng, tuy nhiên tại phiên tòa H thành khẩn khai báo số tiền bị cáo được hưởng lợi, các đối tượng liên quan không có mặt, do vậy xác định H hưởng lợi số tiền 98.451.937 đồng, rút lại truy tố đối với H số tiền hưởng lợi 01%. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, hai bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, Q có thêm tình tiết giảm nhẹ mẹ được tặng

thưởng Huy chương Kháng chiến hạng nhì, H tự nguyện nộp 15.000.000 đồng, có chú ruột là liệt sĩ hiện nay bố để bị cáo đang thờ cúng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 203; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Nguyễn Tiến Q 12 tháng tù; áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 203; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bùi Thị H 12 tháng tù.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự buộc bị cáo Q nộp lại cho Nhà nước thu lợi bất chính 307.300.000 đồng, xác nhận bị cáo đã nộp 190.000.000 đồng; buộc bị cáo H nộp lại cho Nhà nước 98.451.937 đồng, xác nhận bị cáo đã nộp 15.000.000 đồng.

Luật sư Nguyễn Đắc Thực bào chữa cho Bùi Thị H nhất trí với quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhưng không nhất trí với mức hình phạt Kiểm sát viên đề nghị. Q và H thực hiện hành vi mang tính chất đồng phạm cần xem xét đến vai trò từng bị cáo, Q là người chủ mưu thực hiện chỉ đạo H xuất hóa đơn để thu hồi lại hóa đơn GTGT mà Q đã mua với Công ty D, H thực hiện kê khai báo cáo thuế theo chỉ đạo của người đại diện không nhằm mục đích lợi nhuận, vai trò của H là thứ yếu. H giúp đỡ Cơ quan điều tra xác minh sự thật của vụ án, từ đó Cơ quan điều tra đã quyết định khởi tố đối với Q, đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất là hình phạt cải tạo không giam giữ.

Bị cáo Bùi Thị H nhất trí với luận cứ bào chữa của luật sư, không có ý kiến bổ sung.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử giảm hình phạt để các bị cáo sớm được tái hòa nhập cộng đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Cao Bằng, Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà, bị cáo Nguyễn Tiến Q, Bùi Thị H và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi,

quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Lời khai của bị cáo Nguyễn Tiến Q, Bùi Thị H hoàn toàn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra vụ án và đã có đủ căn cứ kết luận: Từ năm 2012 đến tháng 3-2016, Nguyễn Tiến Q và Bùi Thị H đã có hành vi bán trái phép 98 hoá đơn GTGT đã ghi nội dung với tổng giá trị tiền hàng hoá ghi trong hoá đơn 10.994.913.981 đồng (mười tỷ chín trăm chín mươi tư triệu chín trăm mười ba nghìn chín trăm tám mươi một đồng) cho 26 Công ty, thu lời bất chính 405.751.937 đồng, trong đó Nguyễn Tiến Q hưởng lợi 307.300.000 đồng, Bùi Thị H hưởng lợi 98.451.937 đồng. Hành vi mua bán trái phép hoá đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước của các bị cáo đã xâm phạm chế độ quản lý của Nhà nước đối với hoá đơn tài chính, làm suy giảm ngân sách Nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến môi trường kinh doanh.

Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo Nguyễn Tiến Q, Bùi Thị H có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp, mục đích, động cơ phạm tội là nhằm kiếm tiền bất hợp pháp từ việc mua bán trái phép hoá đơn giá trị gia tăng, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước. Hành vi phạm tội của Nguyễn Tiến Q đã có đủ yếu tố cấu thành tội phạm về tội mua bán trái phép hoá đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước được quy định tại điểm d, đ khoản 2 Điều 203 của Bộ luật Hình sự với tình tiết định khung *“Hoá đơn, chứng từ đã ghi nội dung từ 30 số trở lên”*; *“Thu lợi bất chính 100.000.000 đồng trở lên”*; Hành vi phạm tội của Bùi Thị H đã có đủ yếu tố cấu thành tội phạm về tội mua bán trái phép hoá đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 203 của Bộ luật Hình sự với tình tiết định khung *“Hoá đơn, chứng từ đã ghi nội dung từ 30 số trở lên”*. Do vậy, Kết luận của Kiểm sát viên truy tố bị cáo Nguyễn Tiến Q về tội mua bán hoá đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm d, đ khoản 2 Điều 203 của Bộ luật Hình sự; rút một phần quyết định truy tố đối với Bùi Thị H đối với trường hợp quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 203 của Bộ luật Hình sự, giữ nguyên quyết định truy tố Bùi Thị H về tội mua bán trái phép hoá đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước quy định tại điểm d khoản 2 Điều 203 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Tiến Q, Bùi Thị H là nghiêm trọng, mua bán trái phép hoá đơn với số lượng tương đối lớn, thu lời bất chính lớn nên cần xử lý nghiêm để làm gương cho người khác, đồng thời phục vụ công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm ở địa phương.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Nguyễn Tiến Q có nhân thân tốt, không có tình tiết tăng nặng, có 03 tình tiết giảm nhẹ là người phạm tội tự nguyện khắc phục hậu quả tác động gia đình nộp 190.000.000 đồng tiền thu lời bất chính; người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; mẹ bị cáo là bà Trần Thị M có thành tích trong kháng chiến được Nhà nước tặng thưởng Huy chương Kháng chiến Hạng nhì, vợ bị cáo đã chết nên bị cáo là lao động duy nhất trong gia đình đang phải nuôi 02 con nhỏ ăn học, các tình tiết giảm nhẹ này quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xét thấy bị cáo Q có đủ điều kiện để xem xét cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo và không thuộc những trường hợp không cho hưởng án treo quy định tại Điều 3 của Nghị quyết nêu trên.

Bị cáo Bùi Thị H trước khi xét xử vụ án này đã bị kết án về tội trốn thuế và tội mua bán trái phép hoá đơn nhưng các hành vi đã bị kết án được thực hiện cùng thời gian với việc thực hiện hành vi phạm tội của vụ án này nên không thuộc trường hợp tái phạm; bị cáo đã tác động gia đình nộp 15.000.000 đồng để khắc phục hậu quả; người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có chú ruột Bùi Công Ch là liệt sĩ hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước hiện nay gia đình bị cáo đang thờ cúng, các tình tiết giảm nhẹ này quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 của Bộ luật Hình sự nên cần giảm một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[4] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử thấy không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 con dấu tròn của Hợp tác xã Ngh, hiện nay Hợp tác xã đã ngừng hoạt động nên tịch thu tiêu hủy.

Tịch thu phát mại 01 điện thoại di động màu đen nhãn hiệu MI lấy tiền nộp ngân sách Nhà nước;

Trả lại cho Nguyễn Tiến Q 01 thẻ Ngân hàng BIDV, 01 thẻ Ngân hàng AgriBank, 01 Giấy chứng minh nhân dân.

Truy thu số tiền thu lợi bất chính do phạm tội mà có của Nguyễn Tiến Q là 307.300.000 đồng; của Bùi Thị H là 98.451.937 đồng. Xác nhận Nguyễn Tiến Q đã nộp 190.000.000 đồng, Bùi Thị H đã nộp 15.000.000 đồng, Q còn phải tiếp tục nộp 117.300.000 đồng, H còn phải nộp 83.451.937 đồng tiền thu lời bất chính nộp ngân sách Nhà nước.

[6] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Tiến Q, Bùi Thị H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Tiến Q và Bùi Thị H phạm tội “Mua bán trái phép hoá đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước”.

Căn cứ vào điểm d, đ khoản 2 Điều 203; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Nguyễn Tiến Q 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án là ngày 12-9-2019. Giao bị cáo Nguyễn Tiến Q cho Ủy ban nhân dân phường G, thành phố C, tỉnh Cao Bằng giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trả tự do ngay tại phiên tòa cho Nguyễn Tiến Q nếu không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 203; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bùi Thị H 01 (một) năm tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam là ngày 17-10-2017.

2. Việc xử lý vật chứng:

Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu huỷ 01 (một) con dấu tròn (dấu pháp nhân) của Hợp tác xã Ngh; tịch thu phát mại 01 (một) điện thoại di động màu đen đã qua sử dụng, nhãn hiệu MI (xiaomi) lấy tiền nộp ngân sách Nhà nước.

Trả lại cho Nguyễn Tiến Q 01 (một) thẻ Ngân hàng BIDV mang tên Nguyễn Tiến Q; 01 (một) thẻ Ngân hàng AgriBank mang tên Vy Thị Nh; 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Tiến Q.

Truy thu số tiền thu lợi bất chính do phạm tội mà có của Nguyễn Tiến Q là 307.300.000 đồng; của Bùi Thị H là 98.451.937 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

Xác nhận gia đình Nguyễn Tiến Q đã nộp 190.000.000 đồng (số tiền NHNNVN: 190.000.000đ gia đình Nguyễn Tiến Q nộp để khắc phục hậu quả đã chuyển khoản từ tài khoản số 3949 0909 2564 00xxx của Phòng An ninh điều tra Công an tỉnh Cao Bằng sang số tài khoản 3949 0105 4207 00xxx của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng mở tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Cao Bằng), Q còn phải tiếp tục nộp 117.300.000 đồng. Gia đình Bùi Thị H đã nộp 15.000.000 đồng, H còn phải tiếp tục nộp 83.451.937 đồng.

Xác nhận toàn bộ các vật chứng nêu trên đã được chuyển giao cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng theo Biên bản giao nhận vật chứng số 45 ngày 09 tháng 7 năm 2019.

3. Về án phí:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Tiến Q, Bùi Thị H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm mỗi người 200.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo Nguyễn Tiến Q, Bùi Thị H có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Cao Bằng;
- Cục THADS tỉnh Cao Bằng.
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh CB;
- Phòng KTNV&THA;
- Sở Tư pháp CB;
- Trại giam CA Cao Bằng;
- Các bị cáo;
- Lưu HS vụ án;
- Lưu toà HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mã Văn Quân

